

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 2002. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Hữu T1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11/2023 ngày 14/02/2023. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Huỳnh N, sinh ngày 13/11/2023. Hiện nay, cháu N đang sống chung với bà T, bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà T đã trình bày ý kiến tại Tòa án, đã cung cấp toàn bộ các tài liệu, chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, bà cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng trong vụ án này nên bà yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1. Ông Nguyễn Hữu T1 đang cư trú tại địa chỉ số A ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh). Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng T khởi kiện nên được xác định là nguyên đơn; ông Nguyễn Hữu T1 là người bị kiện nên được xác định là bị đơn.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T, thấy rằng:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Hữu T1 xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn

số 11/2023 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 14/02/2023 nên hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà T trình bày cho rằng sau khi cưới vợ chồng chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt cho ông T1 các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tòa án đã cho bà T và ông T1 thời gian đoàn tụ nhưng ông T1 đều vắng mặt và không có bất kỳ ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T cho thấy ông T1 cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy, việc đoàn tụ giữa các đương sự không có kết quả, hôn nhân đã không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, một trong hai bên đã không còn mong muốn vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4.2] Về nuôi con chung: Bà T xác định giữa bà và ông T1 có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Huỳnh N, sinh ngày 13/11/2023. Hiện tại, bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con theo luật định. Xét sự tự nguyện của bà T là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hữu T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T1 vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ Điều 6, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” đối với ông Nguyễn Hữu T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung có tên là Nguyễn Ngọc Huỳnh N, sinh ngày 13/11/2023. Ông Nguyễn Hữu T1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, khi có căn cứ thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có căn cứ thì cha, mẹ có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010814 ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Hồng T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 5 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là xã An Lục Long, tỉnh Tây Ninh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy An